TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/DS-PT
Ngày 30 - 11 - 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu mở lối đi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu mở lối đi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 125/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Minh T**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Minh T: Bà Thái Thị D, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

Bị đơn: Ông **Lê Minh K**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Lê Văn D** (đã chết ngày 29/3/2017)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn D:

1.1. Bà **Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.2. Ông **Lê Minh H1**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.3. Ông **Lê Minh K**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.4. Bà **Lê Kim P**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.5. Bà **Lê Mỹ A**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.6. Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.7. Bà **Đào Thị U**, sinh năm 1947. Địa chỉ: Ấp L, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

1.8. Bà **Lê Thị L,** sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp L, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

1.9. Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thu H, ông Lê Minh H1, bà Lê Kim P, bà Lê Mỹ A, ông Lê Văn T, bà Đào Thị U, bà Lê Thị L và ông Lê Văn H: Ông **Lê Minh K**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

2. Ông **Lê Thành C**, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Minh T và ông Lê Minh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn K kiện ngày 11/11/2021, Đơn K kiện bổ sung ngày 21/02/2022 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày: Phần đất tranh chấp giữa ông với ông Lê Minh K có diện tích 12.90m^2 (qua đo đạc thực tế diện tích 9.53m^2, trong đó: 9.14m^2 thuộc thửa 1021, tờ bản đồ số 06 và 0.59m^2 thuộc một phần kênh thuỷ lợi), toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất tranh chấp (lối đi) trước đây là ông Lê Văn D (là cha ruột của ông Lê Minh K) cho ông T để làm đường đi, khi cho đất không có làm giấy tờ gì, ông D nói với ông T đất này không phải của ông D mà là đất của Nhà nước, khi nào Nhà nước sử dụng thì ông trả lại cho Nhà nước, do giữa ông T với ông D chỉ nói miệng với nhau nên ông T không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này của ông. Phần đất tranh chấp ông T sử dụng làm đường đi từ năm 1999 đến khi tranh chấp với ông K, hiện nay ông K ngăn cản và quản lý phần đất tranh chấp, nên ông T không sử dụng được phần đất tranh chấp từ ngày 10/01/2021 đến nay. Hiện nay, ông T phải đi nhờ qua vuông tôm của bà Lê Hồng T4, đất của ông Lê Thành C, ông Nguyễn Văn H1 và ông Lê Minh C1 khoảng hơn 100m, đây là lối đi tạm thời đi trên bờ vuông, việc

đi lại khó khăn, nếu những người này không cho đi thì ông T không còn lối đi nào khác để ra lộ nông thôn. Do đó, ông T K kiện yêu cầu ông K trả lại cho ông T phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 9.14m^2 thuộc thửa 1021, tờ bản đồ số 06, toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu để ông tiếp tục sử dụng làm lối đi. Đối với diện tích đất 3.76m^2 (trong đó có một phần diện tích 0.59m^2 thuộc một phần kênh thuỷ lợi), toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu thì ông T rút lại một phần yêu cầu K kiện của ông đối với diện tích đất này, việc rút một phần yêu cầu K kiện của ông là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Trường hợp phần đất tranh chấp diện tích 9.14m^2, thuộc thửa số 1021, tờ bản đồ số 06, toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu thuộc quyền sử dụng đất của ông Lê Văn D (cha của ông Lê Minh K) thì ông T yêu cầu ông K cho ông được tiếp tục sử dụng (mở lối đi) phần đất tranh chấp 9.14m^2 để làm lối đi và đồng ý hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Lê Minh K, giá theo Biên bản định giá tài sản ngày 19/01/2022. Ông T đồng ý và yêu cầu Toà án căn cứ vào Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/01/2022; Biên bản định giá tài sản ngày 19/01/2022 và Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lê Minh T và ông Lê Minh K do Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu lập ngày 27/01/2022 để giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Lê Minh K đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn D gồm bà Phạm Thị Thu H, ông Lê Minh H1, bà Lê Kim P, bà Lê Mỹ A, ông Lê Văn T, bà Đào Thị U, bà Lê Thị L và ông Lê Văn H trình bày: Phần đất tranh chấp giữa ông với ông Lê Minh T có diện tích 12.90m^2 (qua đo đạc thực tế diện tích 9.53m^2, trong đó: 9.14m^2 thuộc thửa 1021, tờ bản đồ số 06 và 0.59m^2 thuộc một phần kênh thuỷ lợi), toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất tranh chấp này trước đây ông T sử dụng làm đường đi, hiện nay đang tranh chấp ông K không cho ông T sử dụng nữa và ông K đang quản lý phần đất tranh chấp này từ khi hai bên tranh chấp đến nay. Nguồn gốc phần đất của thửa 1021, tờ bản đồ số 06 (trong đó có phần đất tranh chấp) là của ông nội ông K là ông Lê Văn Đ cho cha của ông K là ông Lê Văn D canh tác, sử dụng. Do nhà ông T nằm ở phía trong không có đường đi, nên cha ông K là ông Lê Văn D có cho ông T đi nhờ trên phần đất tranh chấp và ông T đã sử dụng lối đi tranh chấp từ năm 2002 đến khi hai bên tranh chấp. Ngoài phần đất tranh chấp thì ông T vẫn còn đường đi khác đi nhờ qua phần đất của bà Lê Hồng T4 nhưng xa hơn (từ nhà ông T đi ra lộ phải đi vòng khoảng 100m và phải làm đường, xây cầu) và việc đi lại không được thuận lợi so với lối đi đang tranh chấp. Tuy nhiên, lối đi đang tranh chấp là của gia đình ông K, nên ông K không tiếp tục cho ông T sử dụng nữa. Do đó, ông K không đồng ý yêu cầu K kiện của ông T yêu cầu ông K trả lại diện tích đất 9.14m^2 thuộc thửa 1021, tờ bản đồ số 06, toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và ông K không đồng ý cho ông T tiếp tục sử dụng phần đất tranh chấp (mở lối đi) để làm lối đi và không đồng ý nhận giá trị quyền sử dụng đất do để đảm bảo quyền sử dụng đất của gia đình ông. Ông K đồng ý và yêu cầu Toà án căn cứ vào Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/01/2022; Biên bản định giá tài sản ngày 19/01/2022 và Mặt bằng hiện trạng khu

đất tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lê Minh T và ông Lê Minh K do Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu lập ngày 27/01/2022 để giải quyết vụ án.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu K kiện của ông Lê Minh T yêu cầu ông Lê Minh K trả lại diện tích đất 9.14m^2, thuộc thửa 1021, tờ bản đồ số 06, đất toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp thuộc một phần kênh thuỷ lợi, có số đo là 1.14m.

Hướng Tây giáp phần đất của bà Lê Hồng T4, có số đo là 1.37m.

Hướng Nam giáp (ông T xác định giáp đất công cộng, ông K xác định giáp đất của ông K), có số đo là 7.34m.

Hướng Bắc giáp (ông T xác định giáp đất công cộng, ông K xác định giáp đất của ông K), có số đo là 7.21m.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu K kiện của ông Lê Minh T yêu cầu ông Lê Minh K trả lại diện tích đất 3.76m^2 (trong đó có một phần diện tích 0.59m^2 thuộc một phần kênh thuỷ lợi), đất toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Chấp nhận yêu cầu K kiện của ông Lê Minh T yêu cầu ông Lê Minh K mở lối đi diện tích đất 9.14m^2, thuộc thửa 1021, tờ bản đồ số 06, đất toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3.1. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn D gồm bà Phạm Thị Thu H, ông Lê Minh H1, ông Lê Minh K, bà Lê Kim P, bà Lê Mỹ An, ông Lê Văn T, bà Đào Thị U, bà Lê Thị L và ông Lê Văn H giao cho ông Lê Minh T lối đi diện tích đất 9.14m^2, thuộc thửa 1021, tờ bản đồ số 06, đất toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp thuộc một phần kênh thuỷ lợi, có số đo là 1.14m.

Hướng Tây giáp phần đất của bà Lê Hồng T4, có số đo là 1.37m.

Hướng Nam giáp (ông T xác định giáp đất công cộng, ông K xác định giáp đất của ông K), có số đo là 7.34m.

Hướng Bắc giáp (ông T xác định giáp đất công cộng, ông K xác định giáp đất của ông K), có số đo là 7.21m.

3.2. Ông Lê Minh T có quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 9.14m^2, thuộc thửa 1021, tờ bản đồ số 06, đất toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu theo quy định của pháp luật về đất đai.

3.3. Ông Lê Minh T có nghĩa vụ đền bù cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn D gồm bà Phạm Thị Thu H, ông Lê Minh H1, ông Lê Minh K, bà Lê Kim P, bà Lê Mỹ A, ông Lê Văn T, bà Đào Thị U, bà Lê Thị L và

ông Lê Văn H giá trị quyền sử dụng đất số tiền 1.096.800 đồng (Một triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, lãi suất chậm thi hành án, về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, ông Lê Minh T kháng cáo yêu cầu cho ông được tiếp tục sử dụng phần đất tranh chấp làm lối đi và không phải đền bù giá trị quyền sử dụng đất cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn D. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, ông Lê Minh K kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu K kiện của ông Lê Minh T và không đồng ý chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thanh lý hợp đồng đo đạc với số tiền 782.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tai phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Minh T trình bày: Phần đất tranh chấp không có văn bản nào xác định là đất của ông D, cũng không phải đất của ông C. Ông T sử dụng phần đất này đã 21 năm không có tranh chấp. Bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn trả giá trị đất cho bị đơn là không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông T và ông K, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 105/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Lê Minh T và ông Lê Minh K nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[3] Nguyên đơn ông Lê Minh T xác định trước đây ông Lê Văn D (là cha ruột của ông Lê Minh K) cho ông T để làm đường đi, khi cho đất không làm giấy tờ gì, ông D nói đất này của Nhà nước nên khi nào Nhà nước sử dụng thì trả lại cho Nhà nước. Ngoài lời trình bày trên ông T không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Bị đơn ông Lê Minh K xác định nguồn gốc đất là của ông nội ông K là ông Lê Văn Đ cho lại cha ông là ông Lê Văn D canh tác, sử dụng. Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/01/2022 và mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp quyền sử dụng đất thì phần đất tranh chấp có diện tích 9.14m^2 thuộc thửa 1021, tờ bản đồ số 06, tọa lạc Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp thuộc một phần kênh thuỷ lợi, có số đo là 1.14m.

Hướng Tây giáp phần đất của bà Lê Hồng T4, có số đo là 1.37m.

Hướng Nam giáp (ông T xác định giáp đất công cộng, ông K xác định giáp đất của ông K), có số đo là 7.34m.

Hướng Bắc giáp (ông T xác định giáp đất công cộng, ông K xác định giáp đất của ông K), có số đo là 7.21m.

Tại công văn số 282/CNTP ngày 07/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác định theo hồ sơ địa chính mới được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu phê duyệt năm 2016 thì thửa đất số 1021, tờ bản đồ số 06, tọa lạc Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu chưa được người sử dụng đất kê khai, theo hồ sơ địa chính cũ là một phần thửa số 32, tờ bản đồ số 09 ghi nhận ông Lê Thành C kê khai đăng ký. Theo biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2022 và ngày 20/6/2022, ông Lê Thành C xác định diện tích đất tranh chấp là phần đất trước đây ông D đổi cho ông nhưng do diện tích đất nhỏ nên ông cho luôn ông D, do đó hiện nay phần đất tranh chấp vẫn thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn D. Ngoài ra, theo lời trình bày của ông Dương Văn Doãn, ông Nguyễn Văn H1, ông Dương Văn T3 đều thống nhất xác định nguồn gốc đất là của ông Lê Văn D, nên có cơ sở xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Lê Văn D. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận việc ông T đòi lại đất là có căn cứ.

Về quá trình sử dụng đất, ông Lê Minh T xác định đã sử dụng đất từ năm 1999 đến khi phát sinh tranh chấp với ông K. Bị đơn ông Lê Minh K cũng thừa nhận ông T sử dụng phần đất tranh chấp làm lối đi từ năm 2002 đến khi hai bên phát sinh tranh chấp. Ngoài phần đất tranh chấp thì ông T vẫn còn có thể đi đường khác nhờ qua phần đất của bà Lê Hồng T2 nhưng xa hơn (từ nhà ông T đi ra lộ phải đi vòng khoảng 100m và phải làm đường, xây cầu và việc đi lại không được thuận tiện, do phải đi qua bờ vuông của người khác.

Ông Lê Minh T xác định trường hợp phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của ông Lê Văn D thì ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất và đồng ý hoàn trả giá trị quyền sử dụng cho ông K theo Biên bản định giá tài sản ngày 19/01/2022. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T kháng cáo không đồng ý trả giá trị phần đất tranh chấp, tuy nhiên như phân tích nêu trên có cơ sở xác định phần đất

tranh chấp là của ông Lê Văn D. Do phần đất của ông T bị bao bọc bởi đất của ông D và đường đi hiện nay qua phần đất ông D là gần nhất để ra đường công cộng, để tạo điều kiện cho ông Lê Minh T sử dụng làm lối đi thuận lợi và không ảnh hưởng nhiều đến phần đất còn lại của ông D nên cần giao đất cho ông T tiếp tục sử dụng, đồng thời ông T có trách nhiệm hoàn trả giá trị đất cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn D là phù hợp. Căn cứ Biên bản định giá tài sản ngày 19/01/2022 thì giá trị phần đất tranh chấp là 120.000 đồng/m^2 x 9,14m^2 = 1.096.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn trả giá trị đất tranh chấp cho bị đơn số tiền 1.096.000 đồng là phù hợp.

Do nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả giá trị đất cho bị đơn nên nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định. Tòa cấp sơ thẩm buộc bị đơn cùng có trách nhiệm chịu chi phí tố tụng và án phí với nguyên đơn là chưa phù hợp.

[4] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh T và ý kiến của kiểm sát viên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Minh K. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 105/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Do ông Lê Minh T là người có công với cách mạng và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp toàn bộ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Lê Minh K không phải chịu án phí, ông Lê Minh K đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007843 ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh T, chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh K, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 105/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu K kiện của ông Lê Minh T yêu cầu ông Lê Minh K trả lại diện tích đất 9.14m^2, thuộc thửa 1021, tờ bản đồ số 06, đất toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp thuộc một phần kênh thuỷ lợi, có số đo là 1.14m.

Hướng Tây giáp phần đất của bà Lê Hồng T4, có số đo là 1.37m.

Hướng Nam giáp (ông T xác định giáp đất công cộng, ông K xác định giáp đất của ông K), có số đo là 7.34m.

Hướng Bắc giáp (ông T xác định giáp đất công cộng, ông K xác định giáp đất của ông K), có số đo là 7.21m.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu K kiện của ông Lê Minh T yêu cầu ông Lê Minh K trả lại diện tích đất 3.76m^2 (trong đó có một phần diện tích 0.59m^2 thuộc một phần kênh thuỷ lợi), đất toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Chấp nhận yêu cầu K kiện của ông Lê Minh T yêu cầu ông Lê Minh K mở lối đi diện tích đất 9.14m^2, thuộc thửa 1021, tờ bản đồ số 06, đất toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3.1. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn D gồm bà Phạm Thị Thu H, ông Lê Minh H1, ông Lê Minh K, bà Lê Kim P, bà Lê Mỹ A, ông Lê Văn T, bà Đào Thị U, bà Lê Thị L và ông Lê Văn H giao cho ông Lê Minh T lối đi diện tích đất 9.14m^2, thuộc thửa 1021, tờ bản đồ số 06, đất toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp thuộc một phần kênh thuỷ lợi, có số đo là 1.14m.

Hướng Tây giáp phần đất của bà Lê Hồng T4, có số đo là 1.37m.

Hướng Nam giáp (ông T xác định giáp đất công cộng, ông K xác định giáp đất của ông K), có số đo là 7.34m.

Hướng Bắc giáp (ông T xác định giáp đất công cộng, ông K xác định giáp đất của ông K), có số đo là 7.21m.

3.2. Ông Lê Minh T có quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 9.14m^2, thuộc thửa 1021, tờ bản đồ số 06, đất toạ lạc tại Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu theo quy định của pháp luật về đất đai.

3.3. Ông Lê Minh T có nghĩa vụ đền bù cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn D gồm bà Phạm Thị Thu H, ông Lê Minh H1, ông Lê Minh K, bà Lê Kim P, bà Lê Mỹ A, ông Lê Văn T, bà Đào Thị U, bà Lê Thị L và ông Lê Văn H giá trị quyền sử dụng đất số tiền 1.096.800 đồng (Một triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thanh lý hợp đồng đo đạc với tổng số tiền là 1.564.000 đồng, ông Lê Minh T phải chịu. Ông Lê Minh T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 1.564.000 đồng và đã chi hết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông Lê Minh T được miễn nộp toàn bộ. Ông Lê Minh K không phải chịu án phí, ông Lê Minh K đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007843 ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B được hoàn lại.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Dũng